

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HS-ST
Ngày 14-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam và bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chúc và bà Nguyễn Thị Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng M (Minh M1), sinh ngày 26/4/1979 nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số A, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1962; có vợ Mai Thị Lệ H1, sinh năm 1983 và 01 con sinh năm 2009. *Nhân thân:* Ngày 03 tháng 9 năm 1999, bị Ủy ban nhân dân tỉnh A ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 12 tháng, đã chấp hành xong. Ngày 02 tháng 3 năm 2020, bị Ủy ban nhân dân thành phố L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi “Tổ chức đánh bạc”, số tiền 7.500.000 đồng; ngày 31 tháng 3 năm 2023 nộp phạt xong. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo M bị tạm giam từ ngày 17 tháng 9 năm 2025 đến ngày 08 tháng 12 năm 2025 được tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 12 năm 2025 đến nay (có mặt).

2. Đinh Văn V, sinh ngày 28/10/1993, nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số I, tổ D, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Đinh Văn H2, sinh năm 1970 và bà Thái

Thị P, sinh năm 1971; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 đến nay (có mặt).

3. Lê Thành N (H27), sinh ngày 01/7/1980, nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số D, tổ D, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Phước N1, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Thu N2, sinh năm 1960; có vợ Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979 và 02 con chung, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N: Bà Hồ Hoàng P1 là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H28 - Đoàn Luật sư tỉnh A, có mặt.

4. Nguyễn Văn S, sinh ngày 30/3/1979 nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số B, tổ F, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1958 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1960; có vợ Nguyễn Thị Kim P2, sinh năm 1981 và 02 con chung, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo S bị tạm giam từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025 tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30 tháng 10 năm 2025 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo S: Ông Nguyễn Phú H4 là Luật sư thuộc Công ty L8, Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

5. Nguyễn Văn C, sinh ngày 07/7/1997, nơi sinh: Tỉnh An Giang, nơi ở hiện nay: Tổ 35, khóm B, phường B, tỉnh An Giang. Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1967; có vợ Phạm Như Đông S1, sinh năm 2002 và 01 con chung, sinh năm 2022. Tiền án: Ngày 24 tháng 5 năm 2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm 03 tháng tù, về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 01 tháng 5 năm 2025, chấp hành xong. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025 được tại ngoại; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30 tháng 10 năm 2025 đến nay (có mặt).

6. Trần Việt T3 (T), sinh ngày 29/12/1989 nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số A, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; con ông Trần Thế P3, sinh năm 1960 và bà Thái Thị M2, sinh năm 1954; có vợ Đoàn Thị Mỹ T4, sinh năm 1995 và 01 con chung, sinh năm

2024. Nhân thân: Ngày 31 tháng 3 năm 2006, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự (thời điểm phạm tội dưới 16 tuổi). Đến ngày 27 tháng 4 năm 2008, chấp hành xong. Ngày 23/01/2015, bị Ủy ban nhân dân phường B áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 16/4/2015. Tiền án: Ngày 28 tháng 11 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang) xử phạt 07 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 20 tháng 01 năm 2023, chấp hành xong. Tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 02 năm 2026 cho đến nay (có mặt).

7. Trần Phi H6, sinh ngày 26/9/1989 nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số F, khóm L, phường T, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn K, sinh năm 1948 và bà Quách Thị H7, sinh năm 1958, có vợ Phạm Thị Thu N4, sinh năm 1995 và 02 con chung, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2025. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến nay (có mặt).

8. Huỳnh Văn H8, sinh ngày 15/10/1988 nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Văn H9, sinh năm 1940 và Nguyễn Thị G, sinh năm 1940 (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987 và 02 con chung, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 cho đến nay (có mặt).

9. Lê Long H10, sinh ngày 18/6/1992; nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số I, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Tấn E, sinh năm 1963 và Lê Thị P4, sinh năm 1965 (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Cẩm H11, sinh năm 1996 và 01 con chung, sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2025 đến ngày 30 tháng 10 năm 2025 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 10 năm 2025 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H10: Ông Nguyễn Phú H4 là Luật sư thuộc Công ty L8, Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

10. Nguyễn Cao N5, sinh ngày 04/12/1981 nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số G, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Nam T5, sinh năm 1955 và bà Phan Thị Ngọc T6, sinh năm 1962; có vợ Lưu Thị Ú, sinh năm 1981 và 03 con chung, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 9 năm 2025 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N5: Ông Nguyễn Phú H4 là Luật sư thuộc Công ty L8, Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

11. Lê Hữu T7, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1982, nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số H, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; con ông Lê Hữu L1, sinh năm 1959 và Võ Thị Kim H12, sinh năm 1958; có vợ Dương Thị Bích T8, sinh năm 1983 và 02 con chung, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012. *Nhân thân:* Ngày 06 tháng 8 năm 2024, bị Công an phường B (nay là công an phường B) xử phạt 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc” (đã nộp phạt ngày 23 tháng 8 năm 2024). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 11 năm 2025 đến nay (có mặt).

12. Trần Hoàng T9, sinh ngày 09/02/1992, nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ D, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 11/12; con ông Trần Hoàng A, sinh năm 1973 và Lê Thị H13, sinh năm 1973; có vợ Ngô Thị Huỳnh N6, sinh năm 1993 và 02 con chung, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 02 năm 2026 đến nay (có mặt).

13. Trần Văn N7, sinh ngày 01/01/1978 nơi sinh: Tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Số I, tổ F, khóm B, phường B, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1923 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T10, sinh năm 1940 (đã chết); có vợ Hồ Thị Thúy L2, sinh năm 1985 và 01 con chung, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 02 năm 2026 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Tú T11, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số I, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.

2. Đoàn Hữu G1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số B, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
3. Nguyễn Thanh H14, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số D, khóm N, phường L, tỉnh An Giang.
4. Nguyễn Minh T12, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số A, khóm F, phường L, tỉnh An Giang.
5. Diệp Như H15, sinh năm 1979. Nơi cư trú: 9 đường T, phường L, tỉnh An Giang.
6. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số B, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
7. Trần T13, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số A, hẻm Q, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
8. Nguyễn Văn H16, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ E, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
9. Võ Chí C1, sinh năm 1977. Số 662B/33, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
10. Thái Thanh T14, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số B, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
11. Huỳnh Tất T15, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số G, tổ B, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang.
12. Mai Thái H17, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số A, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
13. Phan Trọng N8, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số A, đường T, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
14. Lê Phi H18, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số C, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
15. Võ Văn T16, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số B, khóm N, phường L, tỉnh An Giang.
16. Lê Văn P5, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
17. Lê Hoàng D, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ D, khóm B, phường B, tỉnh An Giang.
18. Lê Kim T17, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

19 Nguyễn Chí P6, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số A, đường H, xóm B, phường B, tỉnh An Giang.

20. Trần Văn Q, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số B, tổ A, hẻm N, xóm P, phường L, tỉnh An Giang.

21. Lê Thanh S2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số H, tổ D, xóm B, phường B, tỉnh An Giang.

22. Đặng Trung H19, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số B, xóm P, phường L, tỉnh An Giang.

23. Trần Minh D1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ E, xóm B, phường B, tỉnh An Giang.

24. Nguyễn Thành P7, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số C, xóm N, phường L, tỉnh An Giang.

(Nguyễn Thanh H14, Võ Chí C1, Võ Văn T16, Mai Thái H17, Nguyễn Thành P7 có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2025, Nguyễn Hoàng M gặp Lê Thành N thỏa thuận thuê khu đất thuộc quyền quản lý của N tại tổ D, xóm B, phường B, tỉnh An Giang để tổ chức đánh bạc dưới hình thức đá gà được thua bằng tiền; mỗi lần tổ chức đánh bạc, M trả tiền thuê địa điểm cho N từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày thì N đồng ý. Để tổ chức đánh bạc, Minh tự chuẩn bị các công cụ như cân đồng hồ, tấm kính, cửa sắt, băng keo,... Đồng thời, M thuê Đinh Văn V, giúp Minh đóng, mở cửa rào, quét dọn sân nơi tổ chức đá gà, thu cửa gà sau mỗi trận với tiền công từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày. Khi có người mang gà đến đá, M trực tiếp thỏa thuận (cấp gà) cho các bên chủ gà, đồng thời M làm biện gà cho những người tham gia đánh bạc hai bên trận đá gà này, để thu tiền xâu. M quy định mỗi trận đá gà, chủ bên gà thắng trả tiền xâu cho M từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/trận, còn những người tham gia đánh bạc do Minh biện thì M thu tiền xâu theo tỷ lệ 30.000 đồng/1.000.000 đồng tiền thắng.

Khoảng 11 giờ, ngày 31 tháng 8 năm 2025, Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V tổ chức đá gà được thua bằng tiền tại khu vực đất thuê của Lê Thành N tại tổ D, xóm B, phường B cho nhiều người tham gia, cụ thể như sau:

- Trận thứ nhất: Gà điều xanh đá đồng (tỷ lệ 1/1) với gà bướm, không rõ chủ 02 con gà trên với tiền đá xỏ mỗi bên là 1.100.000 đồng, Minh B cho người

không rõ họ tên 1.000.000 đồng. Trận này, M thu tiền xâu đá xỏ 300.000 đồng, tiền xâu biện 30.000 đồng. Tổng số tiền M, V tổ chức đánh bạc trận này là 4.200.000 đồng, M hưởng lợi 330.000 đồng.

- Trận thứ hai: Gà điều đỏ của Nguyễn Văn S đá đồng (tỷ lệ 1/1) với gà bướm trắng của Trần Phi H6 với số tiền đá xỏ 2.200.000 đồng. Trận này, những người tham gia đánh bạc bên gà của S, gồm: Trần Hoàng T9 trông cựa gà, Trần Việt T3 thả gà, để S cược qua M làm biện với số tiền 15.000.000 đồng, trong đó: S 4.000.000 đồng, Nguyễn Văn C 5.000.000 đồng, Trần Hoàng T9 1.500.000 đồng, Tạ Văn D2 1.500.000 đồng, Nguyễn Chí M3 1.500.000 đồng, Trịnh Phước H20 1.500.000 đồng.

Bên gà của Trần Phi H6 gồm: Trần Văn N7 thả gà để Phi H6 và Huỳnh Văn H8 góp 5.000.000 đồng (Phi Hải 2.000.000 đồng, H8 3.000.000 đồng), để H6 cược qua M làm biện. Ngoài ra, M còn làm biện cho Trần Văn N7 1.000.000 đồng và những người không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 9.000.000 đồng.

Trận này, M còn biện cho Nguyễn Chí P6 500.000 đồng, Lê Phi H18 cược 1.000.000 đồng bên gà bướm trắng.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong trận này là 37.000.000 đồng.

Kết quả, gà điều đỏ của S thắng, M thu xâu 895.000 đồng, C hưởng lợi 4.850.000 đồng; T9, H20, D2, M3 mỗi người hưởng lợi 1.455.000 đồng, S hưởng lợi 5.680.000 đồng. Sang cho Việt T3 500.000 đồng.

Trong trận thứ hai, còn có những người tham gia đánh bạc (đá hàng xáo) nhưng không thông qua M, V tổ chức, cụ thể:

Lê Long H10 cược bên gà điều đỏ với Nguyễn Cao N5 cược bên gà bướm trắng số tiền 5.000.000 đồng với tỷ lệ 1/0,6, nên số tiền H10, N5 dùng để đánh bạc là 8.000.000 đồng. Trận này, gà điều đỏ thắng, nên N5 trả tiền thua cược 3.000.000 đồng cho H10.

Lê Hữu T7 biện bên gà bướm trắng cho Lê Thanh S2 1.500.000 đồng, cho T7 1.000.000 đồng; biện bên gà điều đỏ Nguyễn Văn H16 500.000 đồng, Nguyễn Thanh H14 cược 2.000.000 đồng (H14 và Ngụy Tuấn H21 mỗi người hùn 1.000.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền T7 dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng. Kết quả, gà điều đỏ thắng, T7 hưởng lợi tiền xâu 70.000 đồng; H14, Tuấn H21 mỗi người hưởng lợi 975.000 đồng, Văn H16 hưởng lợi 480.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Phòng C2 Công an tỉnh A phối hợp với Công an phường B đến địa điểm trên bắt quả tang và thu giữ nhiều vật chứng có liên quan.

Quá trình điều tra, Đoàn Hữu G1, Lê Thanh T18, Huỳnh Tất T15, Lê Kim T17 khai ngày 31 tháng 8 năm 2025, có tham gia đánh bạc. Đoàn Hữu G1 làm biện thu tiền xâu, nhưng không thỏa thuận với M, trận thứ nhất Gia biện cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ 4.000.000 đồng; trận thứ hai, Gia biện cho 05 người, số tiền 8.000.000 đồng, trong đó Huỳnh Tất T15 1.000.000 đồng (T15 và Lê Kim T17 hùn mỗi người 500.000 đồng), 04 người còn lại không rõ họ tên, địa chỉ. Ngoài ra, Gia cược bên gà bướm trắng với Lê Thanh T18 1.000.000 đồng gà điều đỏ, tỷ lệ 1/0,2, Gia thua T18 200.000 đồng.

Nguyễn Chế L3, Phan Trọng N8, Võ Văn T16, Đặng Trung H19, Diệp Như H15, Lê Hoàng D, Võ Chí C1, Trần Minh D1, Lê Văn P5, Trần Văn H22, Thái Thanh T14, Nguyễn Văn H3, Mai Thái H17, Trần T13, Nguyễn Thành P7, Nguyễn Duy L4 tham gia cá cược đá bên ngoài (hàng xáo) trận thứ nhất và thứ hai với nhiều người không rõ nhân thân, số tiền cược của mỗi người từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V, Lê Thành N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9, Trần Văn N7 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu; các bị cáo S, H10, N5, H6, H8, T7, T9, N7 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, các bị cáo N5, H6, H8, M, V đã đến Công an đầu thú hành vi phạm tội. V khai đã nhận từ M tiền tham gia tổ chức đánh bạc nhiều lần được 700.000 đồng, còn N đã nhận tiền cho thuê địa điểm đánh bạc từ M nhiều lần tổng cộng 1.600.000 đồng. Riêng các bị cáo S, H10, T7, T9, M, V, Việt T3, N, C tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính tổng cộng 21.665.000 đồng (M 1.210.000 đồng, V 700.000 đồng, N 1.600.000 đồng, S 7.890.000 đồng, C 4.850.000 đồng, T7 460.000 đồng, H10 3.000.000 đồng, T9 1.455.000 đồng và Việt T3 500.000 đồng). Các bị cáo C, Việt T3 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng:

- Thu giữ khi bắt quả tang tại khu vực đá gà và trong người những người có mặt tại hiện trường: 11 con gà (đã tiêu hủy); 05 cái giỏ đệm; 01 tấm kính; 14 cặp cửa sắt; 01 miếng sắt nhỏ; 45 cuộn băng keo; 01 cân đồng hồ hiệu Nhon Hòa loại 05 kg; Lê Thanh T18 6.600.000 đồng; Nguyễn Văn C 9.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng Gold; Nguyễn Văn S 700.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A33 5G, màu xanh; Lê Thành N 4.300.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A15, màu xanh; Lê Hữu T7 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; Trần Văn N7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15

Promax, màu trắng; Đoàn Hữu G1 900.000 đồng; Nguyễn Thanh H14 1.200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu vàng; Nguyễn Minh T12 200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; Diệp Như H15 9.900.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xám; Nguyễn Văn H3 9.300.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Trần Tiến 5.400.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh; Nguyễn Văn H16 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen; Võ Chí Công 300.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Infinix Note 10 Pro màu trắng xanh; Thái Thanh T14 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh; Huỳnh Tất T15 800.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; Mai Thái H17 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng; Phan Trọng N8 350.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen; Lê Phi H18 100.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh; Võ Văn T16 4.900.000 đồng; Lê Văn P5 1.200.000 đồng; Lê Hoàng D 600.000 đồng; Lê Kim T17 01 điện thoại di động nhãn hiệu Benco màu đen; Nguyễn Chí P6 600.000 đồng; Trần Văn H22 200.000 đồng; Lê Thanh S2 3.800.000 đồng; Đặng Trung H19 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; Trần Minh D1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; Nguyễn Thành P7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh.

- Các bị cáo nộp tổng cộng 21.665.000 đồng gồm: M 1.210.000 đồng, V 700.000 đồng, N 1.600.000 đồng, S2 7.890.000 đồng, C 4.850.000 đồng, T7 460.000 đồng, H10 3.000.000 đồng, T9 1.455.000 đồng và T14 500.000 đồng.

Cáo trạng số 132/CT-VKSKV9 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang đã truy tố Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V, về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Lê Thành N, về tội “Gá bạc” điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9 và Trần Văn N7 về tội “Đánh bạc”, theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V, Lê Thành N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9 và Trần Văn N7 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H14, Võ Chí C1, Võ Văn T16, Nguyễn Thành P7 có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng Tạ Văn D2, Nguyễn Chí M3, Trịnh Phước H20, Nguyễn Văn H16, Ngụy Tuấn H21, Lê Thanh S2, Nguyễn Chí P6, Lê Phi H18,

Nguyễn Minh T12, Hồ Văn T19, Huỳnh Thanh V1, Huỳnh Công L5, Nguyễn Văn H23, Phạm Văn T20, Phạm Minh T21, Nguyễn Trọng H24, Lê Trường H25, Phạm Thanh P8, Nguyễn Tấn K1, Lê Quốc T22, Trần Thanh H26, Trần Phước T23, Dương Thanh N9, Trần Quang L6, Nguyễn Thành L7, Huỳnh Ngọc T24, Đoàn Văn G2 vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều tra đã trình bày nội dung như cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn V 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thành N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Gá bạc*” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Về tội “*Đánh bạc*”: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 08 đến 10 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Việt T3 từ 06 đến 07 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Phi H6 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H8 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Long H10 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao N5 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu T7 06 tháng đến 08 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoàng T9 20.000.000

đồng đến 25.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N7 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 05 cái giỏ đệm, 01 tấm kính, 14 cặp cửa sắt, 01 miếng sắt nhỏ, 45 cuộn băng keo, 01 cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa loại 05 kg. Tịch thu sung quỹ nhà nước tiền dùng vào mục đích đánh bạc: Bị cáo Nguyễn Hoàng M 1.210.000 đồng, ngoài ra buộc M giao nộp thêm 15.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo Đinh Văn V 700.000 đồng; bị cáo Lê Thành N 1.600.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn S 8.590.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn C 9.000.000 đồng; bị cáo Lê Hữu T7 460.000 đồng; bị cáo Lê Long H10 3.000.000 đồng; bị cáo Trần Hoàng T9 1.455.000 đồng; bị cáo Trần Việt T3 500.000 đồng; Nguyễn Thanh H14: 1.200.000 đồng, và buộc H14 giao nộp thêm 750.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc; Nguyễn Chí P6 600.000 đồng; Lê Hoàng D 600.000 đồng; Đoàn Hữu G1 900.000 đồng và buộc G1 giao nộp thêm 180.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc; Lê Văn P5 1.200.000 đồng; Diệp Như H26 1.000.000 đồng; Lê Thanh T18 420.000 đồng; Phan Trọng N8 350.000 đồng; Lê Thanh S2 800.000 đồng; Thái Thanh T14 1.000.000 đồng; Mai Thái H17 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng; Võ Văn T16 100.000 đồng; Nguyễn Văn H16 1.000.000 đồng; Võ Chí C1 300.000 đồng; Trần Văn Q 200.000 đồng. Trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền và điện thoại bị thu giữ không liên quan đến việc phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo N phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng bị cáo Lê Thành N. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã nộp tiền thu lợi bất chính; bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính của gia đình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N 01 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo S2, H10, N5 phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các bị cáo S2, H10, N5. Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã nộp tiền thu lợi bất chính và tiền đánh bạc; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính của gia đình. Các bị

cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo S2, H10, N5 hình phạt tiền ở mức thấp nhất như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của người này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V, Lê Thành N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9 và Trần Văn N7 trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 31/8/2025, cùng với vật chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 31 tháng 8 năm 2025, tại tổ D, khóm B, phường B, tỉnh An Giang, Nguyễn Hoàng M tổ chức cho Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Trần Hoàng T9, Trần Văn N7, Nguyễn Chí M3, Tạ Văn D2, Trịnh Phước H20, Nguyễn Chí P6, Lê Phi H18 và nhiều người khác (hơn 30 người) tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức cá cược đá gà được thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 41.200.000 đồng, M thu lợi bất chính 1.225.000 đồng thì bị bắt quả tang. M thuê Đinh Văn V giúp M đóng, mở cửa rào, quét dọn sân nơi tổ chức đá gà, thu cựa gà sau mỗi trận với tiền công từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày, thu lợi bất chính 700.000 đồng.

Lê Thành N cho Nguyễn Hoàng M thuê khu đất thuộc quyền quản lý của N để tổ chức đánh bạc trái phép, thu lợi bất chính 1.600.000 đồng.

Nguyễn Văn S tham gia đánh bạc với số tiền 17.200.000 đồng gồm tiền của S 6.200.000 đồng, Nguyễn Văn C 5.000.000 đồng, Trần Hoàng T9 1.500.000 đồng, H20 (Đạt Owen) 1.500.000 đồng và M3, D2 mỗi người gửi S đá giùm 1.500.000 đồng, S hưởng lợi 5.680.000 đồng; Trần Việt T3 giúp sức S thả gà để đánh bạc hưởng lợi 500.000 đồng từ S cho, Trần Hoàng T9 giúp sức cho S trông cựa gà và tham gia đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng, hưởng lợi 1.455.000 đồng; Nguyễn Văn C tham gia đánh bạc 5.000.000 đồng và hưởng lợi 4.850.000 đồng. Trần Phi H6 đánh bạc tổng số tiền 7.200.000 đồng gồm tiền của H6 4.200.000 đồng và Huỳnh Văn H8 hùn 3.000.000 đồng; Trần Văn N7 giúp sức cho H6 thả gà và tham gia đánh bạc số tiền 1.000.000 đồng. Lê Long H10 đánh bạc với Nguyễn Cao N5 số tiền mỗi người dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng, được thua với tỷ lệ 10 ăn 6, Hồ thắng cược nên được hưởng lợi 3.000.000 đồng. Lê Hữu T7 đánh bạc 1.000.000 đồng và làm trung gian (biện, cò) cho hai bên ăn thua số tiền 4.000.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 5.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Thành N phạm tội “Gà bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9 và Trần Văn N7 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Lê Thanh T18, Huỳnh Tấn T15, Lê Kim T17, Nguyễn Chế L3, Phan Trọng N8, Võ Văn T16, Đặng Trung H19, Diệp Như H15, Lê Hoàng D, Võ Chí C1, Trần Minh D1, Lê Văn P5, Trần Văn H22, Thái Thanh T14, Nguyễn Văn H3, Mai Thái H17, Trần T13, Nguyễn Thành P7, Nguyễn Duy L4, Tạ Văn D2, Nguyễn Chí M3, Trịnh Phước H20, Nguyễn Văn H16, Nguyễn Thanh H14,

Nguyễn Tuấn H21, Lê Thanh S2, Nguyễn Chí P6, Lê Phi H18, Nguyễn Minh T12 đánh bạc trái phép với số tiền chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, và những người này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc hoặc đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc chưa được xoá án tích, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc mà chuyển cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Đoàn Hữu G1 khai đánh bạc trận thứ nhất 4.000.000 đồng với những người không rõ nhân thân; trận thứ hai 8.000.000 đồng với 05 người, trong đó với Huỳnh Tất T15 1.000.000 đồng, còn 04 người không rõ nhân thân. Ngoài lời khai của G1 đánh bạc với nhiều người không rõ nhân thân, không có chứng cứ khác chứng minh số tiền đánh bạc của G1, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tiếp tục làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc, tổ chức đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức chơi đá gà là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vì muốn kiếm tiền mà không phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo, thông qua đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo M là người thuê địa điểm, chuẩn bị công cụ, dụng cụ đá gà, tổ chức cho nhiều người đến chơi đá gà ăn thua bằng tiền để lấy tiền xâu, đứng ra làm biện để lấy tiền hoa hồng của các bên tham gia cá cược; còn V là người coi mở cửa rào để người tham gia đi vào sân đá gà, quét dọn sân và gom cựa gà, do đó Bị cáo M và bị cáo V là đồng phạm về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng mang tính chất giản đơn, M giữ vai trò chính, còn V là người giúp sức, giữ vai trò thứ yếu.

Bị cáo S2 và bị cáo H21 mang gà đến đá và trực tiếp ăn thua với nhau. Bị cáo S2 có bị cáo Tân trồng cựa gà, bị cáo T14 thả gà, bị cáo C, bị cáo T9 và D2, M3, H20 (Đ) góp tiền vào, do đó các bị cáo S2, T9, T14, C là đồng phạm về tội “Đánh bạc” nhưng mang tính chất giản đơn, đều là người thực hành. Bị cáo H21 có bị cáo N8 thả gà, bị cáo N8 và bị cáo H19 góp tiền với bị cáo H21 để ăn thua tiền với bị cáo S2, vì vậy các bị cáo H21, N8, H19 là đồng phạm về tội “Đánh bạc” nhưng mang tính chất giản đơn. Còn các bị cáo H10 và bị cáo N5 trực tiếp ăn

thua với nhau, bị cáo T7 tham gia đánh bạc vừa ăn thua trực tiếp vừa làm biện, các bị cáo H10, N5, T7 phạm tội không có đồng phạm.

[4] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo C, T14 đều có 01 tiền án nên lần phạm tội này là tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo M, V, N, S2, H21, H19, H10, N5, T7, T9, N8 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo S2, H21, H19, H10, N5, T7, T9 thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo M, V, N, C, T14 thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo M, V, N, S2, C, T7, H10, T9, T14 đã nộp lại tiền thu lợi bất chính và tiền đánh bạc nên được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo M là người tổ chức cho rất nhiều người chơi đá gà ăn thua bằng tiền với nhau vào các ngày thứ bảy, chủ nhật đã kéo dài hơn 03 tháng, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù đối với bị cáo. Đối với bị cáo V, là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo M, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo N phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Còn bị cáo T7 phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, là lao động chính gia đình nuôi mẹ già và 02 con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Các bị cáo C, T14 có nhân thân xấu, có 01 tiền án nhưng các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù, với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo S2, H21, H19, H10, N5, T9, N8 tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự

nên Hội đồng xét xử quyết định phạt tiền các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, tuy nhiên các bị cáo M, V, N, C, T14, T7 không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp

- Xử lý vật chứng: 05 cái giỏ đệm, 01 tấm kính, 14 cặp cửa sắt, 01 miếng sắt nhỏ, 45 cuộn băng keo, 01 cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa loại 05 kg là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ

- Xử lý tiền đánh bạc và tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước:

Đối với các bị cáo trong vụ án: Nguyễn Hoàng M thu lợi từ việc tổ chức đánh bạc 1.225.000 đồng, đã tự nguyện nộp 1.210.000 đồng nên có nghĩa vụ nộp thêm 15.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Đinh Văn V đã tự nguyện nộp 700.000 đồng; Lê Thành N đã tự nguyện nộp 1.600.000 đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Nguyễn Văn S đem theo 700.000 đồng đánh bạc bị thu giữ và tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính 7.890.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Trần Việt T3 tự nguyện nộp lại 500.000 đồng; Trần Hoàng T9 tham gia đánh bạc 1.500.000 đồng, thu lợi được 1.455.000 đồng, đã tự nguyện nộp 1.455.000 đồng nên bị cáo T9 có nghĩa vụ nộp thêm 1.500.000 đồng. Nguyễn Văn C bị thu giữ 9.000.000 đồng gồm tiền mang theo đánh bạc và nộp thêm 4.850.000 nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 9.000.000 đồng, còn 4.850.000 đồng bị cáo C tự nguyện nộp thì trả lại cho C. Lê Long H10 đánh bạc 5.000.000 đồng và thu lợi từ thắng bạc 3.000.000 đồng, đã tự nguyện nộp 3.000.000 đồng nên buộc bị cáo H10 còn phải nộp thêm 5.000.000 đồng; Lê Hữu T7 tự nguyện nộp 460.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh H14 bị thu giữ 1.200.000 đồng trong đó tiền đánh bạc 1.000.000 đồng, thu lợi bất chính từ thắng bạc 975.000 đồng qua chuyển khoản nên tịch thu 1.200.000 đồng thu giữ và buộc H14 nộp thêm 750.000 đồng. Nguyễn Chí P6 bị thu giữ 600.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc, Lê Hoàng D bị thu giữ 600.000 đồng là tiền đánh bạc, Đoàn Hữu G1 bị thu giữ 900.000 đồng là tiền đánh bạc, Lê Văn P5 bị thu giữ 1.200.000 đồng là tiền đánh bạc, Diệp Như H18 bị thu giữ 9.900.000 đồng trong đó có 1.000.000 đồng là tiền đánh bạc, Lê Tú T11 bị thu giữ 6.600.000 đồng trong đó có 420.000 đồng là tiền đánh bạc, Phan Trọng N8

350.000 đồng là tiền đánh bạc, Lê Thanh S2 bị thu giữ 3.800.000 đồng trong đó có 800.000 đồng là tiền đánh bạc, Thái Thanh T14 1.000.000 đồng là tiền đánh bạc, Mai Thái H17 500.000 đồng là tiền đánh bạc, Võ Văn T16 bị thu giữ 4.900.000 đồng trong đó có 100.000 đồng là tiền đánh bạc, Nguyễn Văn H16 bị thu giữ 3.000.000 đồng trong đó có 1.000.000 đồng là tiền đánh bạc, Võ Chí C1 bị thu giữ 300.000 đồng, Trần Văn Q 200.000 đồng là tiền đánh bạc. Tiền bị thu giữ sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; đối với tiền và điện thoại di động bị thu giữ không liên quan đến việc đánh bạc được trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng M (M), Đinh Văn V phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo Lê Thành N (Hai N) phạm tội “Gá bạc”, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3 (T), Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9 và Trần Văn N7 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M (tên gọi khác Minh M1) 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17 tháng 9 năm 2025 đến ngày 08 tháng 12 năm 2025.

1.2. Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Văn V 01(một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2026).

Giao bị cáo Đinh Văn V cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Đinh Văn V thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thành N (tên gọi khác Hai N10) 01(một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2026).

Giao bị cáo Lê Thành N cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thành N thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ vào thời tạm giam từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025.

1.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Việt T3 (Tên gọi khác Tèo Mệt) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

1.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Phi H6 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.8 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H8 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Long H10 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao N5 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.11. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T7 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2026).

Giao bị cáo Lê Hữu T7 cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Hữu T7 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1.12. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T9 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.13. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N7 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 05 cái giỏ đệm, 01 tấm kính, 14 cặp cửa sắt, 01 miếng sắt nhỏ, 45 cuộn băng keo, 01 cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa loại 05 kg.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: số tiền bị cáo Nguyễn Hoàng M đã nộp 1.210.000 đồng (**Một triệu hai trăm mười ngàn đồng**); bị cáo M còn phải nộp thêm 15.000 đồng (**Mười lăm ngàn đồng**).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: số tiền bị cáo Đinh Văn V đã nộp 700.000 đồng (**Bảy trăm ngàn đồng**); bị cáo Lê Thành N đã nộp 1.600.000 đồng (**Một triệu sáu trăm ngàn đồng**);

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn S 700.000 đồng (**Bảy trăm ngàn đồng**) bị thu giữ và tiền đã nộp 7.890.000 đồng (**Bảy triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng**) để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền của các bị cáo: Trần Việt T3 đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng); Trần Hoàng T9 đã nộp 1.455.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi năm ngàn đồng), T9 còn có nghĩa vụ nộp thêm 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng); Nguyễn Văn C bị thu giữ 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); Lê Long H10 đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), H10 có nghĩa vụ nộp thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Lê Hữu T7 đã nộp 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền của: Nguyễn Thanh H14 bị thu giữ 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng), Nguyễn Thanh H14 có nghĩa vụ nộp thêm 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Nguyễn Chí P6 bị thu giữ 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng); Lê Hoàng D bị thu giữ 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng); Đoàn Hữu G1 bị thu giữ 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng); Lê Văn P5 bị thu giữ 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng); Diệp Như H18 bị thu giữ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); Lê Tú T11 bị thu giữ 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ngàn đồng); Phan Trọng N8 bị thu giữ 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi ngàn đồng); Lê Thanh S2 bị thu giữ 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng); Thái Thanh T14 bị thu giữ 1.000.000 đồng; Mai Thái H17 bị thu giữ 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng); Võ Văn T16 bị thu giữ 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng); Nguyễn Văn H16 bị thu giữ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); Võ Chí C1 bị thu giữ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); Trần Văn Q bị thu giữ 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Trả lại cho các bị cáo: Nguyễn Văn C 4.850.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng G3; Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A33 5G, màu xanh; Lê Thành N 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A15, màu xanh; Lê Hữu T7 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; Trần Văn N7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu trắng;

Trả lại: Nguyễn Thanh H14 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu vàng; Nguyễn Minh T12 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; Diệp Như H18 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xám; Nguyễn Văn H3 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Trần Tiến 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh; Nguyễn Văn H16 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen; Võ Chí C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Infinix Note 10 Pro màu trắng xanh; Thái Thanh T14 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh; Huỳnh Tất T15 800.000 đồng (**T25 trăm ngàn đồng**) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; Mai Thái H17 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng; Phan Trọng N8 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen; Lê Phi H18 100.000 đồng (**Một trăm ngàn đồng**) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh; Lê Tú T11 6.180.000 đồng (**Sáu triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng**), Võ Văn T16 4.800.000 đồng (**Bốn triệu tám trăm ngàn đồng**); Lê Thanh S2 3.000.000 đồng (**Ba triệu đồng**); Lê Kim T17 01 điện thoại di động nhãn hiệu Benco màu đen, Đặng Trung H19 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, Trần Minh D1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, Nguyễn Thành P7 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh.

(Tất cả số tiền trên hiện do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý theo uỷ nhiệm chi do Phòng C2 - Công an tỉnh A chuyển khoản lập ngày 04/5/2026).

(Vật chứng nêu trên do Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh An Giang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2026 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A).

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hoàng M, Đinh Văn V, Lê Thành N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C, Trần Việt T3, Trần Phi H6, Huỳnh Văn H8, Lê Long H10, Nguyễn Cao N5, Lê Hữu T7, Trần Hoàng T9 và Trần Văn N7 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9 -An Giang;
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang;
- Phân trại tạm giam Chợ Mới;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

Trần Thế Văn